

**INCOTERMS® 2010-
GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG
DẪN SỬ DỤNG**

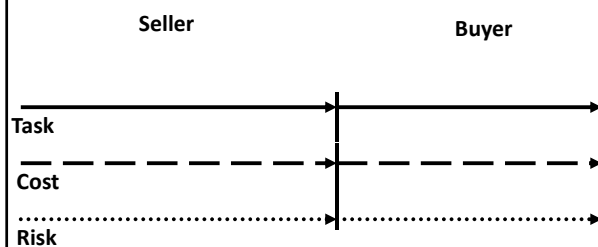
TÔ BÌNH MINH- 2011

Nội dung

- I. Giới thiệu Incoterms® 2010
 1. Quá trình hình thành và phát triển
 2. Sự cần thiết phải thay đổi
 3. Một số ý kiến
 4. Những thay đổi
- II. Hướng dẫn sử dụng Incoterms® 2010
 1. Hướng dẫn các qui tắc
 2. Lựa chọn qui tắc thích hợp
 3. Một số lưu ý

Giới thiệu Incoterms® 2010

1. Quá trình hình thành và phát triển
2. Sự cần thiết phải thay đổi
3. Một số ý kiến
4. Những thay đổi

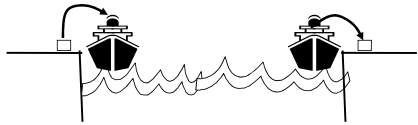


Quá trình hình thành và phát triển

- | | |
|---------|---------|
| 1. 1936 | 5. 1980 |
| 2. 1953 | 6. 1990 |
| 3. 1967 | 7. 2000 |
| 4. 1976 | 8. 2010 |

2000

- FCA
 - Cơ sở người bán: bốc hàng
 - Ngoài cơ sở người bán: dỡ hàng
- FAS: thông quan xuất khẩu
- DEQ: thông quan nhập khẩu



Incoterms	FAS	DEQ
1990		
2000		

Sự cần thiết phải thay đổi Incoterms 2000

- Mở rộng các khu vực phi thuế quan
- Gia tăng sử dụng truyền thông điện tử
- Lo ngại về an ninh trong vận chuyển
- Thay đổi thực tiễn vận tải

Một số ý kiến cho Incoterms® 2010

- ❖ Điều kiện mới- New Terms
 - Brazil, Canada, Tây Ban Nha
 - Nauy, Thụy Điển, Iran, Mỹ
- ❖ Điều kiện loại bỏ- Elimination of Terms
 - Brazil, Pháp, Úc, Nauy
 - Pháp, Canada
 - Thụy Sĩ

Một số ý kiến cho Incoterms® 2010

- ❖ Vận tải- Transport
 - Úc, Nhật Bản, Thụy Điển
- ❖ An ninh- Security
 - ❖ Anh, Thụy Điển, Mỹ, FIATA
- ❖ Thương mại điện tử- E- Commerce
 - ❖ Đan Mạch, Pháp, Phần Lan, Pakistan
- ❖ Đầu đề- Title

Những thay đổi của
Incoterms® 2010
so với
Incoterms 2000


2000	2010
INCOTERMS 2000	INCOTERMS® 2010
No. 560	No. 715
Terms	Rules
DEQ	DAT
DAF, DES, DDU	DAP
4 nhóm E, F, C, D	2 nhóm
Quốc tế	Quốc tế và nội địa

Incoterms® 2010- Giới thiệu và Hướng dẫn sử dụng

Incoterms 2000	
E- Departure	• CIP- Carriage and Insurance Paid To
• EXW- Ex Works	
F- Main carriage unpaid	D- Arrival
• FCA- Free Carrier	• DAF- Delivered At Frontier
• FAS- Free Alongside Ship	• DES- Delivered Ex Ship
• FOB- Free On Board	• DEQ- Delivered Ex Quay
C- Main carriage paid	• DDU- Delivered Duty Unpaid
• CFR- Cost and Freight	• DDP- Delivered Duty Paid
• CIF- Cost, Insurance and Freight	
• CPT- Carriage Paid To	

Incoterms® 2010	
Any Mode or Modes of Transport	Sea and Inland Waterway Transport
• EXW - Ex Works	• FAS- Free Alongside Ship
• FCA- Free Carrier	• FOB- Free On Board
• CPT- Carriage Paid To	• CFR- Cost and Freight
• CIP- Carriage and Insurance Paid	• CIF- Cost, Insurance and Freight
• DAT- Delivered At Terminal	
• DAP- Delivered At Place	
• DDP- Delivered Duty Paid	

Incoterms® 2010			
E:	EXW		
F:	FCA	FAS	FOB
C:	CPT	CIP	CFR CIF
D:	DAT	DAP	DDP

Những thay đổi	
2010	2000
Hướng dẫn sử dụng- Guidance note	
Bán trong hành trình- String sales	
Phụ phí xếp dỡ (THC)	
Các biến thể của Incoterms	
Giải thích các thuật ngữ (insert)	(...)
	

2010	2000
Hướng dẫn- (EXW, FCA, CPT, CIP, DAT, DAP, DDP)	Hướng dẫn- (EXW, FCA, CPT, CIP, DAF, DDU, DDP)
Quy tắc này có thể sử dụng cho bất cứ phương thức vận tải nào và cũng có thể sử dụng khi có nhiều phương thức vận tải tham gia	Điều kiện này có thể được sử dụng cho bất cứ phương thức vận tải nào, kể cả vận tải đa phương thức.

Hướng dẫn- (CPT, CIP, CFR, CIF)	
2010	người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng của mình khi giao hàng cho người chuyên chở <u>chứ không phải</u> khi hàng hóa tới nơi đến.
2000	người bán giao hàng cho người chuyên chở do người bán chỉ định/ khi hàng qua lan can tàu tại cảng bốc hàng.

Incoterms® 2010- Giới thiệu và Hướng dẫn sử dụng

2000	CFR- Tiền hàng và cước phí (ghi kèm cảng đến qui định) Incoterms® 2010 CFR- Cost and Freight (insert named port of destination) Incoterms® 2010
2010	CFR- Tiền hàng và cước phí (...cảng đến qui định) CFR- Cost and Freight (...named port of destination)

Giải thích các thuật ngữ

- Người chuyên chở- Carrier
- Thủ tục hải quan- Customs formalities
- Giao hàng- Delivery
- Chứng từ giao hàng- Delivery document
- Văn bản và thủ tục điện tử- Electronic record or procedure
- Đóng gói bao bì- Packaging

A. THE SELLER'S OBLIGATIONS- NHỮNG NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN		
	2010	2000
A1	<u>General obligations</u> of the seller Những nghĩa vụ chung của người bán	Provision of goods in conformity with the contract Cung cấp hàng hóa phù hợp với hợp đồng
A2	<u>Licences, authorizations, security clearances</u> and other formalities Giấy phép, kiểm tra an ninh và các thủ tục khác	Licences, authorizations and formalities Giấy phép và thủ tục
A6	<u>Allocation</u> of costs Phân chia chi phí	Division of costs Phân chia chi phí

A. THE SELLER'S OBLIGATIONS- NHỮNG NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN		
	2010	2000
A8	<u>Delivery document</u> Chứng từ giao hàng	Proof of delivery, transport document or equivalent electronic message Bảng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông báo điện tử tương đương
A10	<u>Assistance with information and related costs</u> Hỗ trợ thông tin và các chi phí liên quan	Other obligations Những nghĩa vụ khác

B. THE BUYER'S OBLIGATIONS- NHỮNG NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA		
	2000	2010
B1	<u>General obligations</u> of the buyer Những nghĩa vụ chung của người mua	Payment of the price Thanh toán tiền hàng
B2	<u>Licences, authorizations, security clearances</u> and other formalities Giấy phép, kiểm tra an ninh và các thủ tục khác	Licences, authorizations and formalities Giấy phép và thủ tục
B6	<u>Allocation</u> of costs Phân chia chi phí	Division of costs Phân chia chi phí

B. THE BUYER'S OBLIGATIONS- NHỮNG NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA		
	2000	2010
B8	<u>Proof of delivery</u> Bảng chứng của việc giao hàng	Proof of delivery, transport document or equivalent electronic message Bảng chứng của việc giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông báo điện tử tương đương
B10	<u>Assistance with information and related costs</u> Hỗ trợ thông tin và các chi phí liên quan	Other obligations Những nghĩa vụ khác

Incoterms® 2010- Giới thiệu và Hướng dẫn sử dụng

	A. NHỮNG NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN	A. THE SELLER'S OBLIGATIONS
A1	Những nghĩa vụ chung	General obligations of the seller
A2	Giấy phép, kiểm tra an ninh và các thủ tục khác	Licences, authorizations, security clearances and other formalities
A3	Hợp đồng vận tải và bảo hiểm	Contracts of carriage and insurance
A4	Giao hàng	Delivery
A5	Chuyển rủi ro	Transfer of risks
A6	Phân chia chi phí	Allocation of costs
A7	Thông báo cho người mua	Notices to the buyer
A8	Chứng từ giao hàng	Delivery document
A9	Kiểm tra - Đóng gói bảo bì- Ký mã hiệu	Checking - packaging - marking
A10	Hỗ trợ thông tin và các chi phí liên quan	Assistance with information and related costs

	B. NHỮNG NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA	B. THE BUYER'S OBLIGATIONS
B1	Những nghĩa vụ chung	General obligations of the buyer
B2	Giấy phép, kiểm tra an ninh và các thủ tục khác	Licences, authorizations, security clearances and other formalities'
B3	Hợp đồng vận tải và bảo hiểm	Contracts of carriage and insurance
B4	Nhận hàng	Taking delivery
B5	Chuyển rủi ro	Transfer of risks
B6	Phân chia chi phí	Allocation of costs
B7	Thông báo cho người bán	Notices to the seller
B7	Bảng chứng của việc giao hàng	Proof of delivery
B9	Kiểm tra hàng hóa	Inspection of goods
B10	Hỗ trợ thông tin và các chi phí liên quan	Assistance with information and related costs

A1- B1 Những nghĩa vụ chung

2010	Bất cứ chứng từ nào nói đến trong các điều A1- A10/ B1- B10 có thể là một văn bản điện tử hoặc thủ tục điện tử tương đương nếu đã được thỏa thuận giữa các bên hoặc theo tập quán
2000	

A3- B3 Hợp đồng vận tải và bảo hiểm

2010	Người bán không có nghĩa vụ với người mua để... Người mua không có nghĩa vụ với người bán để ...
2000	Không có nghĩa vụ.

A4 Giao hàng

2010 (FCA, DAP, DDP)	trên phương tiện vận tải của người bán <u>sẵn sàng để dỡ</u>
2000 (FCA, DAF, DDU, DDP)	trên phương tiện vận tải của người bán <u>chưa được dỡ</u>

A9 Kiểm tra (trừ EXW)

2010	Người bán phải trả các chi phí cho việc kiểm tra trước khi gửi hàng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu.
2000	

A9- Bao bì

2010	Người bán phải chịu phí tổn <u>đóng gói bao bì</u>
2000	Người bán phải chịu phí tổn <u>cung cấp bao bì</u>

31

A10

2010	bất cứ chứng từ <u>hoặc thông tin nào</u> , nếu có, <u>kể cả những thông tin liên quan đến an ninh</u> mà người mua có thể cần đến để nhập khẩu và/hoặc <u>để vận chuyển tới nơi đến cuối cùng</u> .
2000	bất cứ chứng từ nào mà người mua có thể cần đến để nhập khẩu và, nếu cần thiết, để quá cảnh hàng hóa qua bất cứ nước nào.

32

B10 (trừ EXW)

2010	Theo yêu cầu của người bán, do người bán chịu rủi ro và phí tổn, người mua phải kịp thời giúp đỡ người bán để lấy được bất cứ chứng từ và thông tin nào, kể cả những thông tin liên quan đến an ninh, nếu có, mà người bán cần đến để vận chuyển và xuất khẩu hàng hóa và quá cảnh qua bất cứ nước nào.
2000	

33

II. Hướng dẫn sử dụng Incoterms® 2010

1. Hướng dẫn các qui tắc
2. Lựa chọn qui tắc thích hợp
3. Một số lưu ý

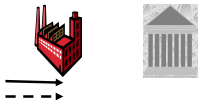
HƯỚNG DẪN CÁC QUI TẮC

MỌI PHƯƠNG THỨC VẬN TẢI

- EXW GIAO TẠI XƯỞNG
- FCA GIAO CHO NGƯỜI CHUYÊN CHỜ
- CPT CƯỚC PHÍ TRẢ TỚI
- CIP CƯỚC PHÍ VÀ PHÍ BẢO HIỂM TRẢ TỚI
- DAT GIAO TẠI ĐIỂM TẬP KẾT
- DAP GIAO TẠI NƠI ĐẾN
- DDP GIAO HÀNG ĐÃ THÔNG QUAN

Incoterms® 2010- Giới thiệu và Hướng dẫn sử dụng

EXW- Ex Works
 (insert named place of delivery)
 Giao tại xưởng (ghi kèm nơi giao hàng qui định)



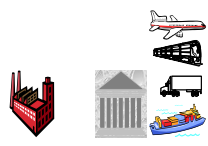
Giao hàng:
 ❖ Tại cơ sở người bán
 ❖ Chưa được bốc
 ❖ Chưa thông quan xuất khẩu
 Người bán thông quan xuất khẩu + bốc hàng => FCA

2010	EXW (insert named place of delivery) EXW (ghi kèm nơi giao hàng qui định)
2000	EXW (... named place) EXW (...nơi qui định)

A2

2010	người bán phải cung cấp cho người mua bất cứ <u>thông tin</u> nào người bán biết, nếu có, mà chúng được đòi hỏi để <u>kiểm tra an ninh</u> cho hàng hóa.
2000	

FCA- Free Carrier
 (insert named place of delivery)
 Giao cho người chuyên chở (ghi kèm nơi giao hàng qui định)



Giao hàng:
 ❖ Cho người chuyên chở
 ❖ Đã thông quan xuất khẩu
 ❖ Tại cơ sở người bán: đã bốc
 ❖ Tại nơi khác: sẵn sàng dỡ

2010	FCA (insert named place of delivery) FCA (ghi kèm nơi giao hàng qui định)
2000	FCA (... named place) FCA (...nơi qui định)

A7 Thông báo cho người mua

2010	thông báo thích hợp hoặc hàng đã được giao theo như điều A4 hoặc người chuyên chở hay một người nào khác do người mua chỉ định đã không nhận hàng vào thời gian đã thỏa thuận.
2000	thông báo thích hợp là hàng đã được giao theo như điều A4.

Incoterms® 2010- Giới thiệu và Hướng dẫn sử dụng

CPT- Carriage Paid To
 (insert named place of destination)
 Cước phí trả tới (ghi kèm nơi đến qui định)

Người bán:

- ❖ Giao hàng cho người chuyên chở
- ❖ Ký hợp đồng, trả cước phí tới nơi đến
- ❖ Thông quan xuất khẩu

CIP- Carriage and Insurance Paid to
 (insert named place of destination)
 Cước phí và phí bảo hiểm trả tới (ghi kèm nơi đến qui định)

Người bán:

- ❖ Giao hàng cho người chuyên chở
- ❖ Ký hợp đồng, trả cước phí tới nơi đến
- ❖ Thông quan xuất khẩu
- ❖ Ký hợp đồng bảo hiểm
- ❖ Bảo hiểm mức tối thiểu

DAT- Delivered At Terminal
 (insert named terminal at port or place of destination)
 Giao tại điểm tập kết (ghi kèm điểm tập kết qui định tại cảng hay nơi đến)

Giao hàng:

- ❖ Đã được dỡ
- ❖ Tại điểm tập kết
- ❖ Chưa thông quan nhập khẩu

Người bán chịu rủi ro + chi phí chuyên chở đến nơi khác => DAP/ DDP

DAT thay thế

- DEQ- Giao tại cầu cảng

2010	2000
DAT: mọi nơi đến	DEQ: cảng đến

DAP- Delivered At Place
 (insert named place of destination)
 Giao tại nơi đến (ghi kèm nơi đến qui định)

Giao hàng:

- ❖ Trên phương tiện vận tải
- ❖ Chưa thông quan nhập khẩu


Người bán thông quan nhập khẩu => DDP

DAP thay thế

- DAF- Giao tại biên giới
- DES- Giao tại tàu
- DDU- Giao hàng chưa thông quan

2010	DAP: mọi nơi đến
2000	DAF: biên giới đất liền DES, DEQ: cảng đến DDU: Giao hàng tại cảng đến (trên tàu/ cầu cảng) => DES/ DEQ

DDP- Delivered Duty Paid
 (insert named place of destination)
 Giao hàng đã thông quan (ghi kèm nơi đến qui định)



Giao hàng:
 ❖ Đã thông quan nhập khẩu
 ❖ Trên phương tiện vận tải
 Người mua thông quan nhập khẩu => DAP

Nơi đến

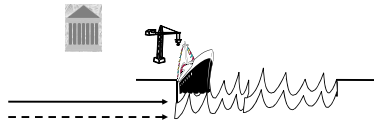
2010	DDP: mọi nơi đến
2000	DDP: Giao hàng tại cảng đến (trên tàu/ cầu cảng) => DES/ DEQ

50

VẬN TẢI BIỂN VÀ THỦY NỘI ĐỊA

- FAS GIAO DỌC MẠN TÀU
- FOB GIAO TRÊN TÀU
- CFR TIỀN HÀNG VÀ CƯỚC PHÍ
- CIF TIỀN HÀNG, PHÍ BẢO HIỂM VÀ CƯỚC PHÍ

FAS- Free Alongside Ship
 (insert named port of shipment)
 Giao dọc mạn tàu (ghi kèm cảng bốc hàng qui định)



Giao hàng:
 ❖ Dọc mạn tàu
 ❖ Tại cảng bốc hàng
 ❖ Đã thông quan xuất khẩu
 Hàng cont.- giao tại điểm tập kết => FCA

A3a) Hợp đồng vận tải

2010	<u>người bán có thể ký hợp đồng vận tải</u> theo những điều kiện thông thường do người mua chịu rủi ro và phí tổn.
2000	Không có nghĩa vụ.

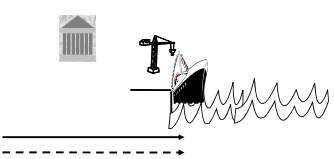
53

A7 Thông báo cho người mua

2010	thông báo thích hợp cho người mua hoặc hàng đã được giao theo như điều A4 <u>hoặc con tàu không nhận hàng trong thời hạn đã thỏa thuận.</u>
2000	thông báo thích hợp cho người mua là hàng đã được giao dọc mạn con tàu đã được chỉ định.

54

FOB- Free On Board
 (insert named port of shipment)
 Giao trên tàu (ghi kèm cảng bốc hàng qui định)



Giao hàng:
 ❖ Trên tàu
 ❖ Tại cảng bốc hàng
 ❖ Đã thông quan xuất khẩu
 Hàng cont.- giao tại điểm tập kết => FCA

A3a) Hợp đồng vận tải

2010	người bán có thể ký hợp đồng vận tải theo những điều kiện thông thường do người mua chịu rủi ro và phí tổn.
2000	Không có nghĩa vụ.

56

A4 Giao hàng

Người bán phải giao hàng hoặc bằng cách đặt hàng hóa trên con tàu do người mua chỉ định tại địa điểm bốc hàng, nếu có, do người mua qui định tại cảng bốc hàng qui định hoặc bằng cách mua hàng hóa đã được giao như vậy. Trong bất cứ trường hợp nào, người bán phải giao hàng vào ngày hoặc trong thời hạn đã thỏa thuận và theo tập quán tại cảng.

Nếu người mua không qui định địa điểm bốc hàng cụ thể, người bán có thể chọn địa điểm ở cảng bốc hàng qui định phù hợp nhất với mục đích của mình.

57

A4 Giao hàng

2010	Người bán giao hàng hoặc bằng cách <u>đặt hàng hóa trên con tàu hoặc bằng cách mua hàng hóa đã được giao như vậy</u>
2000	Người bán giao hàng <u>qua lan can tàu</u> .

58

B5 Chuyển rủi ro

Nếu:
 con tàu mà người mua chỉ định không đến đúng hạn để người bán có thể thực hiện theo điều A4, hoặc không nhận hàng, hoặc định chỉ việc nhận hàng trước thời gian được thông báo theo như điều B7;
 người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hay hư hỏng hàng hóa
 với điều kiện là hàng hóa đã được nhận biết một cách rõ ràng đó là hàng của hợp đồng.

59

B6 Phân chia chi phí

Người mua phải trả
 bất cứ chi phí phát sinh nào xảy ra, do:
 con tàu mà người mua chỉ định không đến đúng hạn, hoặc không nhận hàng, hoặc định chỉ việc nhận hàng trước thời gian được thông báo theo như điều B7,
 với điều kiện là hàng hóa đã được nhận biết một cách rõ ràng đó là hàng của hợp đồng;

60

A7 Thông báo cho người mua

2010	thông báo thích hợp cho người mua hoặc hàng đã được giao theo như điều A4 <u>hoặc con tàu không nhận hàng trong thời hạn đã thỏa thuận.</u>
2000	thông báo thích hợp cho người mua là hàng đã được giao theo như điều A4

61

A8 Chứng từ giao hàng

Người bán phải chịu phí tổn để cung cấp cho người mua bằng chứng thường lệ về việc giao hàng theo như điều A4.

Trừ khi chứng từ nói đến ở đoạn trên là chứng từ vận tải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và phí tổn, người bán phải giúp đỡ người mua để lấy được chứng từ vận tải.

62

A9 Kiểm tra- Đóng gói bao bì- Ký mã hiệu- Checking - packaging - marking

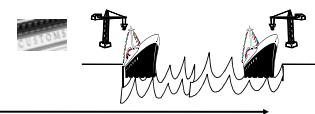
Người bán phải trả các chi phí về việc kiểm tra hàng hóa (như kiểm tra chất lượng, đo, cân, đếm) cần thiết cho mục đích giao hàng theo như điều A4, cũng như các chi phí cho việc kiểm tra trước khi gửi hàng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu.

B9 Kiểm tra hàng hóa- Inspection of goods

Người mua phải trả các chi phí cho bất cứ việc kiểm tra nào trước khi gửi hàng, trừ khi việc kiểm tra đó theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu.

63

CFR- Cost and Freight (insert named port of destination) Tiền hàng và cước phí (ghi kèm cảng đến qui định)



Người bán:

- ❖ Giao hàng trên tàu
 - ❖ Ký hợp đồng, trả cước phí tới cảng đến
 - ❖ Thông quan xuất khẩu
- Hàng cont. - giao tại điểm tập kết => CPT

64

A3 a) Hợp đồng vận tải

Hợp đồng vận chuyển phải được ký theo những điều kiện thông thường với chi phí người bán chịu để vận chuyển theo tuyến đường thường lệ bằng một con tàu đi biển (hoặc tàu thủy nội địa tùy từng trường hợp) thuộc loại thường sử dụng để chuyên chở loại hàng mua bán.

65

A3 a) Hợp đồng vận tải

2010	Người bán phải ký hợp đồng <u>hoặc mua hợp đồng</u> để chuyên chở hàng hóa
2000	Người bán phải ký hợp đồng để chuyên chở hàng hóa

66

A4 Giao hàng

2010	Người bán giao hàng hoặc bằng cách <u>đặt hàng hóa trên con tàu hoặc bằng cách mua hàng hóa đã được giao như vậy</u>
2000	Người bán giao hàng <u>qua lan can tàu.</u>

67

A8 Chứng từ giao hàng

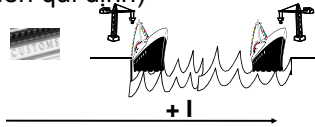
Chứng từ vận tải phải bao gồm hàng hóa của hợp đồng, được đề ngày trong thời hạn gửi hàng đã thỏa thuận, cho người mua có quyền khiếu nại người chuyên chở về hàng hóa tại cảng đến và, trừ khi đã thỏa thuận khác đi, làm cho người mua có thể bán lại hàng hóa trong quá trình chuyên chở bằng cách chuyển nhượng chứng từ cho một người mua tiếp theo hoặc bằng cách thông báo cho người chuyên chở.

Khi chứng từ vận tải như vậy được phát hành dưới dạng có thể giao dịch và thành nhiều bản chính, một bộ đầy đủ các bản chính phải được xuất trình cho người mua.

68

CIF- Cost, Insurance and Freight
(insert named port of destination)

Tiền hàng, phí bảo hiểm và cước phí (ghi kèm cảng đến qui định)



Người bán:

- ❖ Giao hàng trên tàu
- ❖ Ký hợp đồng, trả cước phí tới cảng đến
- ❖ Thông quan xuất khẩu
- ❖ Ký hợp đồng bảo hiểm
- ❖ Hàng cont.- giao tại điểm tập kết => CIP
- ❖ Bảo hiểm ở mức tối thiểu

69

A3 a) Hợp đồng vận tải

2010	Người bán phải ký hợp đồng <u>hoặc mua hợp đồng</u> để chuyên chở hàng hóa
2000	Người bán phải ký hợp đồng để chuyên chở hàng hóa

70

A3 b) Hợp đồng bảo hiểm

Người bán phải chịu phí tổn mua bảo hiểm cho hàng hóa ít nhất theo mức bảo hiểm tối thiểu như Điều kiện (C) trong Các Điều kiện Bảo hiểm Hàng hóa (LMA/ IUA) hoặc bất cứ những điều kiện nào tương tự. Bảo hiểm phải được mua ở một người bảo hiểm hay một công ty bảo hiểm có tín nhiệm và cho người mua hoặc bất kỳ người nào khác có lợi ích bảo hiểm đối với hàng hoá, có quyền trực tiếp đòi người bảo hiểm bồi thường.

71

Institute Cargo Clause- ICC

A.R- All Risks	ICC (A)
W.A- With Particular Average	ICC (B)
F.P.A- Free from/ of Particular Average	ICC (C)

72

A3 b) Hợp đồng bảo hiểm

Khi người mua yêu cầu, do người mua chịu phí tổn, tùy thuộc vào việc người mua cung cấp bất cứ thông tin cần thiết nào mà người bán đòi hỏi, người bán phải cung cấp bất cứ bảo hiểm bổ sung nào, nếu có thể được, chẳng hạn như bảo hiểm theo Điều kiện A hoặc B trong Các Điều kiện Bảo hiểm Hàng hóa (LMA/ IUA) hoặc bất cứ những điều kiện nào tương tự, và/hoặc bảo hiểm chiến tranh và/hoặc Điều kiện bảo hiểm đình công (LMA/ IUA) hoặc bất cứ những điều kiện nào tương tự.

Bảo hiểm tối thiểu bao gồm giá hàng quy định trong hợp đồng cộng 10% (tức là 110%) và phải được thể hiện bằng đồng tiền của hợp đồng.

73

A3 b) Hợp đồng bảo hiểm

2010	Bảo hiểm phải có hiệu lực từ điểm giao hàng như trong điều A4 và A5 đến ít nhất cảng đến qui định.
------	--

2000	Thời hạn bảo hiểm phải phù hợp với điều B4 và B5
------	--

74

A3 b) Hợp đồng bảo hiểm

Người bán phải cung cấp cho người mua đơn bảo hiểm hoặc bằng chứng khác về hợp đồng bảo hiểm.

Thêm vào đó, theo yêu cầu của người mua, do người mua chịu rủi ro và phí tổn (nếu có), người bán phải cung cấp cho người mua những thông tin mà người mua cần đến để mua bảo hiểm bổ sung.

75

A4 Giao hàng

2010	Người bán giao hàng hoặc bằng cách <u>đặt hàng hóa trên con tàu hoặc bằng cách mua hàng hóa đã được giao như vậy</u>
------	--

2000	Người bán giao hàng <u>qua lan can tàu</u> .
------	--

76

A4 Giao hàng

Người bán phải giao hàng hoặc bằng cách đặt hàng hóa trên con tàu do người mua chỉ định tại địa điểm bốc hàng, nếu có, do người mua qui định tại cảng bốc hàng qui định hoặc bằng cách mua hàng hóa đã được giao như vậy. Trong bất cứ trường hợp nào, người bán phải giao hàng vào ngày hoặc trong thời hạn đã thỏa thuận và theo tập quán tại cảng.

Nếu người mua không qui định địa điểm bốc hàng cụ thể, người bán có thể chọn địa điểm ở cảng bốc hàng qui định phù hợp nhất với mục đích của mình.

B5 Chuyển rủi ro

Nếu:

con tàu mà người mua chỉ định không đến đúng hạn để người bán có thể thực hiện theo điều A4, hoặc không nhận hàng, hoặc đình chỉ việc nhận hàng trước thời gian được thông báo theo như điều B7;

người mua phải chịu mọi rủi ro về mất mát hay hư hỏng hàng hóa

với điều kiện là hàng hóa đã được nhận biết một cách rõ ràng đó là hàng của hợp đồng.

B6 Phân chia chi phí

Người mua phải trả bất cứ chi phí phát sinh nào xảy ra, do: con tàu mà người mua chỉ định không đến đúng hạn, hoặc không nhận hàng, hoặc đình chỉ việc nhận hàng trước thời gian được thông báo theo như điều B7, với điều kiện là hàng hóa đã được nhận biết một cách rõ ràng đó là hàng của hợp đồng;

A8 Chứng từ giao hàng

Người bán phải chịu phí tổn để cung cấp cho người mua bằng chứng thường lệ về việc giao hàng theo như điều A4. Trừ khi chứng từ nói đến ở đoạn trên là chứng từ vận tải, theo yêu cầu của người mua và do người mua chịu rủi ro và phí tổn, người bán phải giúp đỡ người mua để lấy được chứng từ vận tải.

A9 Kiểm tra- Đóng gói bao bì- Ký mã hiệu

Người bán phải trả các chi phí về việc kiểm tra hàng hóa (như kiểm tra chất lượng, đo, cân, đếm) cần thiết cho mục đích giao hàng theo như điều A4, cũng như các chi phí cho việc kiểm tra trước khi gửi hàng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu.

B9 Kiểm tra hàng hóa- Inspection of goods

Người mua phải trả các chi phí cho bất cứ việc kiểm tra nào trước khi gửi hàng, trừ khi việc kiểm tra đó theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu.

Lựa chọn qui tắc thích hợp

- ❖ Phương thức vận tải
- ❖ Địa điểm giao hàng
- ❖ Phân chia
 - chi phí
 - rủi ro
- ❖ Tình hình thị trường
 - hàng hóa
 - cước phí
 - bảo hiểm

83

Lựa chọn qui tắc thích hợp



- ❖ Khả năng
 - thuê phương tiện vận tải
 - mua bảo hiểm
 - thông quan xuất khẩu
 - thông quan nhập khẩu
- ❖ Tình hình chính trị, xã hội trong hành trình
- ❖ Qui định, hướng dẫn của Nhà nước

84

Một số lưu ý

- ❖ Incoterms không tạo thành một hợp đồng hoàn chỉnh
- ❖ Lựa chọn điều kiện phù hợp với hàng hóa
- ❖ Lựa chọn điều kiện phù hợp với vận chuyển
- ❖ Bên thu xếp việc chuyên chở
- ❖ Bên thu xếp việc bảo hiểm
- ❖ Tập quán và thực tiễn tại cảng/ nơi liên quan

Phân nhóm theo phương thức vận tải

	
EXW	FAS
FCA	FOB
CPT	CFR
CIP	CIF
DAT	
DAP	
DDP	

Một số lưu ý

- ❖ Xem phần Hướng dẫn sử dụng
- ❖ Chọn qui tắc thích hợp
- ❖ Qui định địa điểm cảng rõ ràng tốt
- ❖ Dẫn chiếu đến Incoterms® 2010
- ❖ Nghĩa vụ liên quan đến giao hàng “hữu hình”
- ❖ Ràng buộc nghĩa vụ của phía bên kia
- ❖ CPT, CIP, CFR, CIF: “Gửi hàng” (D: “Hàng đến”)

Một số lưu ý

- ❖ Không bổ sung thuật ngữ
- ❖ Sử dụng đúng ký hiệu viết tắt
- ❖ Giành quyền thuê phương tiện vận tải và mua bảo hiểm
- ❖ Trọng tài ICC